



Linux Cheat sheet

Lệnh tệp (File Commands)

Command	Mô tả
cat [file]	In nội dung tệp
touch [file]	Tạo tệp (hoặc cập nhật thời gian)
cp [src] [dst]	Sao chép tệp
mv [src] [dst]	Di chuyển/đổi tên tệp
rm [file]	Xóa tệp
head [file]	In 10 dòng đầu của tệp
tail [file]	In 10 dòng cuối của tệp
tail -f [file]	In 10 dòng cuối và theo dõi dòng mới

Lệnh thư mục (Directory Commands)

Command	Mô tả
ls	Liệt kê tệp trong thư mục hiện tại
ls [dir]	Liệt kê tệp trong thư mục [dir]
ls -l	Liệt kê tệp với chi tiết
ls -a	Liệt kê tất cả tệp (bao gồm ẩn)
ls -al	Liệt kê tất cả tệp với chi tiết
pwd	In thư mục làm việc hiện tại
cd [dir]	Chuyển sang thư mục [dir]
cd ..	Lên thư mục cha
mkdir [dir]	Tạo thư mục
mkdir -p [dir]	Tạo thư mục và thư mục cha nếu thiếu
cp -r [src] [dst]	Sao chép thư mục và nội dung
mv [src] [dst]	Di chuyển/đổi tên thư mục
rmdir [dir]	Xóa thư mục rỗng
rm -r [dir]	Xóa thư mục và nội dung

Bí danh thư mục (Directory Aliases)

Alias	Thư mục
.	Thư mục hiện tại
..	Thư mục cha
~	Thư mục chính (home)

Lệnh liên kết (Link Commands)

Command	Mô tả
<code>ln -s [target] [link]</code>	Tạo liên kết mềm (symbolic link)
<code>ln [target] [link]</code>	Tạo liên kết cứng (hard link)
<code>readlink -f [file]</code>	In đường dẫn tuyệt đối của tệp

Lệnh tìm kiếm (Search Commands)

Command	Mô tả
<code>grep [pattern] [file]</code>	Tìm mẫu trong tệp
<code>grep -r [pattern] [dir]</code>	Tìm mẫu đệ quy trong thư mục
<code>grep -i [pattern] [file]</code>	Tìm mẫu không phân biệt chữ hoa/thường
<code>grep -v [pattern] [file]</code>	Tìm dòng không khớp với mẫu
<code>grep -n [pattern] [file]</code>	Tìm và in số dòng khớp
<code>find [dir] -name [name]</code>	Tìm tệp trong [dir] bắt đầu bằng [name]
<code>find [dir] -type [type]</code>	Tìm tệp trong [dir] theo loại [type]

Lệnh quản trị viên (Superuser Commands)

Command	Mô tả
<code>sudo [cmd]</code>	Chạy lệnh với quyền root
<code>su</code>	Chuyển sang người dùng root
<code>su [user]</code>	Chuyển sang người dùng [user]

Lệnh quyền tệp (File Permission Commands)

Command	Mô tả
<code>chmod [mode] [file]</code>	Thay đổi quyền của tệp
<code>chmod u+x [file]</code>	Thêm quyền thực thi cho chủ sở hữu
<code>chmod 644 [file]</code>	Đặt quyền 644 (chủ đọc/ghi, nhóm và mọi người đọc)
<code>chmod -R g+w [dir]</code>	Thêm quyền ghi cho nhóm trong thư mục đệ quy
<code>chown [owner] [file]</code>	Thay đổi chủ sở hữu tệp
<code>chown -R [owner] [dir]</code>	Thay đổi chủ sở hữu thư mục đệ quy
<code>chown [owner]:[group] [file]</code>	Thay đổi chủ sở hữu và nhóm của tệp

chgrp [group] [file]	Thay đổi nhóm của tệp
----------------------	-----------------------

Bit quyền tệp (File Permission Bits)

Bit	Mô tả
4	Đọc (r)
2	Ghi (w)
1	Thực thi (x)

Ghi chú: Số đầu tiên là chủ sở hữu, số thứ hai là nhóm, số thứ ba là mọi người. Ví dụ: 640 nghĩa là chủ đọc/ghi, nhóm đọc, mọi người không có quyền.

Loại người dùng quyền tệp (File Permission User Types)

Loại người dùng	Mô tả
u	Chủ sở hữu
g	Nhóm
o	Mọi người khác
a	Tất cả

Lệnh thông tin hệ thống (System Information Commands)

Command	Mô tả
df	Hiển thị mức sử dụng đĩa
df -h	Hiển thị mức sử dụng đĩa (MB/GB/TB)
du	Hiển thị mức sử dụng đĩa theo thư mục
du -h	Hiển thị mức sử dụng đĩa (MB/GB/TB)
free	Hiển thị mức sử dụng bộ nhớ
free -h	Hiển thị mức sử dụng bộ nhớ (MB/GB/TB)
uptime	Hiển thị thời gian hoạt động
whoami	Hiển thị người dùng hiện tại
uname	Hiển thị thông tin hệ thống
uname -a	Hiển thị tất cả thông tin hệ thống

Lệnh tắt/mở lại máy (Shutdown/Reboot Commands)

Command	Mô tả
shutdown	Tắt máy sau 1 phút
shutdown now	Tắt máy ngay lập tức
shutdown 16:30	Tắt máy lúc 16:30
shutdown -c	Hủy lệnh tắt máy đã lên lịch
reboot	Khởi động lại máy
poweroff	Tắt nguồn máy

Lệnh quản lý tiến trình (Process Commands)

Command	Mô tả
ps	Liệt kê tiến trình
ps -ef	Liệt kê tất cả tiến trình
top	Hiển thị tiến trình theo thời gian thực
kill [pid]	Chấm dứt tiến trình theo PID
pkill [name]	Chấm dứt tiến trình theo tên
killall [name]	Chấm dứt tất cả tiến trình theo tên

Lệnh SSH (Secure Shell Commands)

Command	Mô tả
ssh-keygen	Tạo cặp khóa SSH
ssh-add [key]	Thêm khóa SSH vào agent
ssh-add -l	Liệt kê khóa SSH trong agent
ssh-copy-id [user]@[host]	Sao chép khóa SSH đến [host] cho [user]
ssh [host]	Kết nối đến [host] với người dùng hiện tại
ssh [user]@[host]	Kết nối đến [host] với [user]
scp [src] [host]:[dest]	Sao chép tệp [src] cục bộ đến [dest] trên [host]
scp [host]:[src] [dest]	Sao chép tệp [src] từ [host] đến [dest] cục bộ

Lệnh quản lý gói (Package Management Commands)

Command	Mô tả
apt install [pkg]	Cài đặt gói
apt remove [pkg]	Xóa gói
apt purge [pkg]	Xóa gói và tệp cấu hình
apt update	Cập nhật danh sách gói
apt upgrade	Nâng cấp các gói
apt search [term]	Tìm kiếm gói

Xem trực tiếp [Linux cheat sheet](#)